

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày: 16/01/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đặng Bình Thủy.

2/ Bà Huỳnh Thị Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2023/HSST ngày 21 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2023 và Thông báo dời phiên tòa số 01/2024/TB-TA ngày 02 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Hoàng V, sinh ngày 03/5/1989; nơi sinh: Tiền Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang**; nơi cư trú: **Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang**; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Lê Văn D**, sinh năm 1967 và bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1968; Vợ, con: chưa có.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 14/8/2019, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian là 15 tháng tại Quyết định số 43/QĐ-TA.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2023 hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện G** (Có mặt).

* *Bị hại:* **Chị Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1984; Địa chỉ: **Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang** (Có mặt).

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1968; Địa chỉ: **Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang** (Có mặt).

- Chị Lê Hoàng Phương V1, sinh năm 2012; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt).

Người đại diện của chị V1: Anh Lê Hoàng T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang và chị Lê Thị Phương H1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Lê Hoàng T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Lê Văn L1, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị Đỗ Thị Thảo N, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp R, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**Người làm chứng:*

- Bà Đỗ Thị H2, sinh năm 1942; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Chết).

- Chị Ngô Thị Thanh V2 (C), sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 23/9/2022 bị cáo Lê Hoàng V từ nhà mẹ ruột là bà Nguyễn Thị L đi bộ sang nhà chị Nguyễn Thị Thanh H, (chị H là dì ruột của bị cáo V) mục đích để tìm chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam Sung – Galaxy M12 để chiếm đoạt sử dụng (điện thoại này là của cháu Lê Hoàng Phương V1 là con của anh Lê Hoàng T mua cho bé V1 để học online), khi qua nhà chị H thì bị cáo V nhìn thấy chị H đi lại đầu tủ lạnh cầm điện thoại nhãn hiệu Sam Sung – Galaxy M12 đem đi để trên ghế bô nơi bà Đỗ Thị H2 (bà H2 là bà ngoại của bị cáo V) đang nằm mục đích cất giấu không cho bị cáo V lấy đi. Lúc này, bị cáo V đi lại và lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung – Galaxy M12 cầm trên tay định mang đi thì chị H đi lại ngăn cản không cho bị cáo V lấy, chị H nắm tay bị cáo V lại để lấy lại điện thoại nhưng không được, giữa chị H và bị cáo V giằng co nhau chiếc điện thoại nói trên, bị cáo V dùng tay đánh vào mặt chị H 01 cái làm điện thoại trên rơi xuống đất, chị H nhặt lấy lại điện thoại thì lúc này bị cáo V tiếp tục dùng tay đánh vào mặt chị H 03 đến 04 cái nhằm không cho chị H lấy lại điện thoại nữa, sau đó bị cáo V cầm điện thoại bỏ đi. Tiếp theo, V nhờ bà Ngô Thị Thanh V2 (C) ngụ cùng ấp chở đi thị xã G để V đón xe khách đi tỉnh Đồng Tháp làm thuê. Đến khoảng 03 tuần sau thì bị cáo V trở về nhà, đến ngày 12/10/2022 thì bị cáo V đem điện thoại di động nói trên đến tiệm cầm đồ Đức M tọa lạc tại thị trấn T, huyện G do anh Lê Văn L1 làm chủ cầm cố được số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo V sử dụng số tiền nói

trên tiêu xài cá nhân hết, đến ngày 15/10/2022 thì bị cáo **V** đi làm thuê cho người dân tại **thị trấn V, huyện G** (đi ghe đánh bắt trên biển), trước khi đi làm thuê thì bị cáo **V** có mang giấy cầm cố điện thoại nói trên đưa cho chị **Đỗ Thị Thảo N** cất giữ, đồng thời bị cáo **V** nói với chị **N** nếu có nhu cầu sử dụng điện thoại thì đến tiệm cầm đồ **Đức M** chuộc ra xài, khi nào bị cáo **V** về sẽ trả tiền lại. Sau khi nhận giấy cầm đồ từ bị cáo **V** thì chị **N** đến tiệm cầm đồ **Đức M** chuộc điện thoại nói trên và đem về sử dụng. Đến ngày 30/10/2022, bị cáo **V** trở về nhà thì được Cơ quan Công an triệu tập làm việc, đồng thời thu giữ điện thoại nói trên từ chị **Đỗ Thị Thảo N**.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung – Galaxy M12; Số kiểu máy: M127F/DS; Số seri RF8RB12DLKP; IMEI (khe 1): 350481174750917; IMEI (khe 2): 351165164750917.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKS.GCĐ ngày 21/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện **Gò Công Đ** truy tố bị cáo **Lê Hoàng V** về tội “*Cướp tài sản*” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo **Lê Hoàng V** khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông đã truy tố, không tranh luận với nội dung luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

- Bị hại chị **Nguyễn Thị Thanh H** trình bày: Tôi đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không có yêu cầu gì về bồi thường trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, về trách nhiệm hình sự tôi xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị L** trình bày: Tôi không có ý kiến gì về trách nhiệm dân sự, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo **Lê Hoàng V** về tội “*Cướp tài sản*”.

+ *Về hình phạt:*

Căn cứ tại khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Hoàng V** từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

+ *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại là chị **Nguyễn Thị Thanh H** đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không có yêu cầu gì về bồi thường trách nhiệm dân sự đối với bị cáo **Lê Hoàng V** nên không đặt ra xem xét;

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trách nhiệm dân sự là chị **Đỗ Thị Thảo N** có yêu cầu bị cáo **Lê Hoàng V** bồi thường thiệt hại số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) do chị **N** đã bỏ ra chuộc điện thoại thì bị cáo **Lê**

Hoàng V đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại số tiền trên cho chị **N** xong nên không đặt ra xem xét;

+ *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện G** đã trao trả cho chủ sở hữu là chị **Nguyễn Thị Thanh H** 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung – Galaxy M12; Số kiểu máy: M127F/DS; Số seri RF8RB12DLKP; IMEI (khe 1): 350481174750917; IMEI (khe 2): 351165164750917 nên không đặt ra xem xét.

+ *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Lê Hoàng Phương V1**, người đại diện của chị **V1**: Anh **Lê Hoàng T** và chị **Lê Thị Phương H1**, anh **Lê Hoàng T**, anh **Lê Văn L1**, chị **Đỗ Thị Thảo N**, người làm chứng chị **Ngô Thị Thanh V2 (C)** có đơn xin xét xử vắng mặt; người làm chứng bà **Đỗ Thị H2** đã chết. Xét thấy, trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của những người nêu trên về những vấn đề liên quan và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên cũng không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị L**, Đại diện Viện kiểm sát cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của các đương sự trong vụ này nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Hành vi của bị cáo **Lê Hoàng V** thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự quy định:

“Điều 168. Tội Cướp tài sản

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

...”

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có cơ sở.

[4]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường và bất chấp pháp luật. Do đó nên cần phải có một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo cũng như cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục đồng thời phòng ngừa chung trong xã hội.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả, tại phiên tòa bị hại xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại chị Nguyễn Thị Thanh H đã nhận lại tài sản và trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Đỗ Thị Thảo N trong quá trình điều tra có yêu cầu bị cáo Lê Hoàng V bồi thường thiệt hại số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) do chị N đã bỏ ra cước điện thoại thì bị cáo Lê Hoàng V đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại số tiền trên cho chị N xong. Trong quá trình truy tố, xét xử chị N không có ý kiến, yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Hoàng Phương V1, người đại diện của chị V1: Anh Lê Hoàng T và chị Lê Thị Phương H1, anh Lê Hoàng T, anh Lê Văn L1. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử không có ý kiến, yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G đã:

- Trao trả cho bị hại chị Nguyễn Thị Thanh H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung – Galaxy M12; Số kiểu máy: M127F/DS; Số seri

RF8RB12DLKP; IMEI (khe 1): 350481174750917; IMEI (khe 2): 351165164750917.

Hội đồng xét xử xét thấy việc Cơ quan cảnh sát điều tra đã giao trả lại và bàn giao tài sản nêu trên là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8]. Đối với việc bị cáo **Lê Hoàng V** nhờ bà **Ngô Thị Thanh V2 (C)** ngụ cùng ấp chở đi **thị xã G** để bị cáo đón xe khách đi tỉnh Đồng Tháp làm thuê vào thời điểm sau khi bị cáo thực hiện hành vi cướp tài sản của bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm xảy ra sự việc bà **V2** không biết việc bị cáo thực hiện hành vi cướp tài sản của bị hại, do bị cáo và bà ngụ cùng ấp nên có quen biết nên nhờ bà nên chở đi **thị xã G** để bị cáo đón xe khách thì bà đồng ý nên việc Cơ quan cảnh sát điều tra **huyện G** không xử lý đối với bà **Ngô Thị Thanh V2 (C)** là có căn cứ.

- Đối với chị **Đỗ Thị Thảo N** sau khi được bị cáo **Lê Hoàng V** đưa biên nhận cầm cố điện thoại di động nhãn hiệu Samsung – Galaxy M12 và nói khi cần điện thoại để sử dụng thì chuộc ra sử dụng, bị cáo **V** không có nói đây là tài sản do chiếm đoạt mà có nên chị **N** có đi đến **tiệm C1** tọa lạc tại **thị trấn T, huyện G** chuộc lại điện thoại trên với số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), nhưng sau đó Cơ quan Công an đến làm việc và chị **N** tự nguyện giao nộp lại điện thoại nói trên cho Cơ quan Công an. Do đó, việc Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với chị **Đỗ Thị Thảo N** là có căn cứ.

[9]. Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10]. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 168; Điều 38, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Lê Hoàng V** phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Lê Hoàng V** 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/8/2023.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Lê Hoàng V** phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt

tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Đông.
- Cơ quan CSĐT CA huyện Gò Công Đông.
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Duy Linh